

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: 来越南不去下龙湾看看, 那真是太可_____了。

- A. 蜡 B. 腊 C. 惜 D. 昔

Câu 2: 人们总是可以敏感地觉_____到自己的苦处, 可是对别人的痛处缺乏了解。

- A. 擦 B. 蔡 C. 查 D. 察

Câu 3: 这些女孩儿最喜欢穿很时_____的衣服。

- A. 毫 B. 豪 C. 髦 D. 毛

Câu 4: 人口、环境与发展三大问题_____切相关, 必须同时解决。

- A. 密 B. 蜜 C. 秘 D. 宓

Câu 5: 近年来局部战争时有发生, 但和平与发展_____是当今世界两大主题。

- A. 仍 B. 及 C. 扔 D. 极

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 6 đến câu 10.

纸张可分为原生纸和再生纸。原生纸的生产原料是木材, 全世界每年因生产纸张而消耗的木材料是相当惊人的。再生纸可用废纸作原料。据统计, 回收 1000 千克废纸, 可生产 800 千克的再生纸, 节约木材 4 立方米, 相当于保护 17 棵大树。一个大城市如能将一年丢弃的近万吨废纸全部回收利用, 就相当于保护了几十万棵大树。这不仅节约了造纸的木材, 更重要的是间接地保护了森林资源, 保护了地球上的生态环境。

回收废纸用于制造再生纸, 还有相当可观的经济效益。比如建造一个以废纸为原料的纸厂, 可以省去以原木为原料造纸时的原木加工处理工序, 因而节约投资 50%。另外用废纸造纸, 水、电、煤的消耗也大大减少, 使再生纸的生产成本大大降低。

目前, 世界各国对废纸的回收利用相当重视。如日本全国的废纸回收率在 50%以上, 德国高达 83%, 而美国更是废纸利用和废纸出口的大国。据悉, 美国除了将废纸中的主要成分废报纸送入纸厂制造再生纸浆外, 又开发出了两种利用价值更高的新用途——用废纸改良土壤, 用废报纸生产饲料, 都取得了成功。

回收废纸, 减少了城市的垃圾量, 也减少了对森林的砍伐量, 还降低了再生纸生产的成本价格, 真可谓一举多得。

(选自石梅、马栏等编著《轻松阅读中级汉语泛读》, 北京大学出版社, 2006 年)

Câu 6: 根据短文内容以下哪一项是正确的?

- A. 4 立方米木材可以生产 1000 千克纸 B. 1000 千克废纸可以生产 4 立方米木材
C. 生产 1000 千克纸需要 17 棵大树 D. 生产 800 千克纸需要 17 棵大树

Câu 7: 关于原生纸和再生纸, 下面哪项不正确?

- A. 用废纸造纸可以节约能源 B. 再生纸比原生纸便宜
C. 和原生纸比, 再生纸可以降低 50%的成本 D. 废纸回收对保护地球的生态环境有好处

Câu 8: 开发废纸新用途的国家是:

- A. 德国 B. 中国 C. 日本 D. 美国

Câu 9: 废纸的新用途是:

- A. 生产饲料、改良土壤
B. 产生水、电、纸浆
C. 生产饲料、再生纸浆
D. 生产水、电、饲料

Câu 10: 这篇短文想告诉我们:

- A. 为什么要回收废纸
B. 如何分类纸张
C. 世界各国是怎么回收废纸的
D. 再生纸是用什么制造的

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 11: Phiên âm đúng của từ 丰收 là: f_____shōu.

- A. ēng
B. ōng
C. ēn
D. ān

Câu 12: Phiên âm đúng của từ 推销 là: tuīx_____.

- A. uān
B. uē
C. iāo
D. āo

Câu 13: Phiên âm đúng của từ 纯洁 là: chún_____jié.

- A. x
B. d
C. q
D. j

Câu 14: Phiên âm đúng của từ 照料 là: _____.

- A. zhàoliào
B. zhāoliào
C. zhāoliāo
D. zhàoliāo

Câu 15: Phiên âm đúng của từ 增长 là: _____ēngzhǎng.

- A. zh
B. c
C. ch
D. z

Câu 16: Phiên âm đúng của từ 和睦 là: _____.

- A. hémū
B. hēmù
C. hémǔ
D. hémù

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 17: 你_____找张经理, _____找李经理, 不管有他俩谁的签字都行。

- A. 或者……或者……
B. 还是……还是……
C. 不仅……反而……
D. 一是……一是……

Câu 18: 老朋友_____是老朋友, 遇到困难时他总是第一时间出现。

- A. 到底
B. 必定
C. 最后
D. 格外

Câu 19: 政府采取了一系列的环保措施, _____人民创造了一个优美的生活环境。

- A. 向
B. 给
C. 让
D. 使

Câu 20: 他工作的时候_____极了, 你跟他说话他就像没听见一样。

- A. 放心
B. 专心
C. 担心
D. 关心

Câu 21: 第一场雪过后, 孩子们兴奋得在雪地上堆雪人、打雪仗, 他们的手冻得_____的。

- A. 非常冰凉
B. 冰凉极了
C. 冰凉冰凉
D. 冰冰凉凉

Câu 22: 听说明天你们去长城, 我跟你们一起去行吗? 我还没去过长城_____!

- A. 呢
B. 啊
C. 吧
D. 嘛

Câu 23: 她是个温柔、美丽、善良的姑娘, 给我的_____是很深刻的。

- A. 形象
B. 记忆
C. 想念
D. 印象

Câu 24: 当年他是全村里唯一一个考上大学的, 这儿的男女老少_____不认识他?

- A. 谁
B. 哪里
C. 哪
D. 什么

Câu 25: 晚会肯定是要举行的, _____演什么节目, 以后要专门开会研究。

- A. 从而
B. 至于
C. 甚至
D. 以至

Câu 26: 这种东西我们家乡多_____, 怎么到这里都成宝贝了。

- A. 着了
B. 着呢
C. 着吗
D. 着吧

Câu 27: _____的手机我用得多了, 还都不如这个好用。

- A. 各种每样
B. 每种各样
C. 各种各样
D. 每种每样

- Câu 28:** 他几十年如一日，每天都坚持早起锻炼，_____节假日_____不例外。
 A. 只要……就…… B. 即使……也…… C. 无论……都…… D. 既然……就……
- Câu 29:** 我们学习文学，是要把文学当作事业去创造、去发展，_____把它当作手中的玩物。
 A. 而且是 B. 也就是 C. 而不是 D. 反而是
- Câu 30:** 很快就放假了，弟弟打算_____就去顺化旅行。
 A. 先考试 B. 考完了试 C. 完了考试 D. 考试了
- Câu 31:** 他决定离开那家公司是因为_____工作压力太大，_____待遇不够好。
 A. 一面……一面…… B. 一方面……一方面……
 C. 一来……二来…… D. 一边……一边……
- Câu 32:** 一_____金星红旗在巴亭广场上迎风飘扬。
 A. 面面 B. 条条 C. 件件 D. 张张
- Câu 33:** 他是我_____见到的最诚实的孩子了。
 A. 所 B. 地 C. 的 D. 得
- Câu 34:** 一个人的成功与失败_____在于他天生的环境如何，_____在于他的态度与做法。
 A. 不……就…… B. 不……而…… C. 不……还…… D. 不……也……
- Câu 35:** 在经历了失败后，他不但没有消沉，_____坚定了信心。
 A. 反复 B. 反之 C. 反正 D. 反而
- Câu 36:** 他现在学习不好，你要帮他一_____。
 A. 回 B. 件 C. 把 D. 次
- Câu 37:** 小城市的这种轻松悠闲的生活对我这种人很_____。
 A. 适当 B. 合适 C. 适度 D. 适时
- Câu 38:** 买书，重要的不是价格，而是其使用价值，_____买它何用？
 A. 因此 B. 并且 C. 何况 D. 否则
- Câu 39:** _____都是北京传统的四合院，引得不少中外友人来此参观。
 A. 对面马路那一排排的小平房
 B. 那一排排的小平房马路对面
 C. 马路对面那一排排的小平房
 D. 那一排排的小平房对面马路
- Câu 40:** _____最后考试得多少分，只要比以前进步了，_____应该感到满意。
 A. 不但……而且…… B. 尽管……都……
 C. 不管……就…… D. 哪怕……就……
- Câu 41:** 你如果有一个愉快的心境，快乐就_____很简单了。
 A. 变成 B. 成为 C. 变得 D. 变化
- Câu 42:** _____营养的角度讲，还是简单些的家庭饭菜更有利于健康。
 A. 对 B. 从 C. 对于 D. 关于
- Câu 43:** 你的人生该_____着怎样的路去走，完全取决于你个人，没有人会提醒你。
 A. 随 B. 往 C. 跟 D. 沿

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 44 đến câu 53.

我从青城山走下来，刚走到汽车前，突然发现身后有一个七八岁的男孩儿，看样子他是跟了我一阵子了。他手里拿着 (44) _____白铁链说：“你买了吧。”我忍不住笑了，说：“我不买，我不 (45) _____这玩意儿。”可他仍旧盯着我不离开。我回过身，冲着他往远处一指说：“你去那边看看吧，也许有人买。”随即踏进车门。男孩子一下子哭了，是一种既委屈 (46) _____伤心的哭。他一面哭一面说：“你买了吧，我上学还没有学费呢。”我的心一下子 (47) _____了。我又走下车，问他要几块钱。“三块。”我边掏钱边说：“你

真会做买卖，谁教的？”这时走（48）_____一位老婆婆说：“他爹妈都不在了，他是（49）_____奶奶过。”原来这样，我稍稍停了一会儿，马上拿出五十块钱递给他。他睁大眼睛，吃惊地望着我，突然接过钱，没说话，转身（50）_____跑了。

上了车，我看着他跑的那条小路，忽然在小路的尽头出现了他的（51）_____。他手里提着一个塑料袋向我这儿跑过来。我想：“糟了，不知又向我推销什么？”我马上关上车门。他跑到窗下，把塑料袋举给我：“这是青城山特产的栗子，是送给你的。”我心里有点不是（52）_____，说道：“阿姨不要。”可他一个劲地说：“拿着嘛，拿着嘛。”我只好拿了一些。见我装到兜里，他高兴地（53）_____我笑了，但愿他能永远笑下去。

(选自刘学敏等编著《中级汉语练习题萃》，北京大学出版社，2008年)

- Câu 44:** A. 一根 B. 一条 C. 一片 D. 一棵
Câu 45: A. 穿 B. 戴 C. 系 D. 带
Câu 46: A. 又 B. 有 C. 越 D. 或
Câu 47: A. 热 B. 软 C. 疼 D. 凉
Câu 48: A. 出来 B. 过去 C. 上来 D. 过来
Câu 49: A. 顺着 B. 跟着 C. 随着 D. 跟从
Câu 50: A. 只 B. 才 C. 就 D. 偏
Câu 51: A. 身影 B. 身体 C. 阴影 D. 个子
Câu 52: A. 味道 B. 风味 C. 趣味 D. 滋味
Câu 53: A. 就 B. 往 C. 朝 D. 同

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 54:** 随着改革开放的深入，普通百姓接触国外新鲜事物的机会也越来越多，视野也开阔了。
A. 连词 B. 动词 C. 代词 D. 介词
Câu 55: 为了让孩子能够考上大学，很多父母还是给孩子找补习班。
A. 连词 B. 动词 C. 副词 D. 介词
Câu 56: 几年来，他们用勤劳的双手使生活发生了根本的变化。
A. 副词 B. 名词 C. 代词 D. 形容词
Câu 57: 越南加入世界贸易组织后，大大方便了国内企业的经营。
A. 名词 B. 动词 C. 副词 D. 形容词
Câu 58: 你不了解事情的经过，怎么可以乱讲话。
A. 动词 B. 名词 C. 副词 D. 形容词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 59:** 在老师的多次劝告和母亲的督促下，我总算能够按时上课了。
A. 终于 B. 总是 C. 老是 D. 究竟
Câu 60: 尽管地球上 70%是水，然而，淡水却只占总水量的 2.6%左右。
A. 而且 B. 并且 C. 虽然 D. 但是
Câu 61: 现在社会需要有经济头脑的人才。
A. 计划 B. 意识 C. 领导 D. 脑力
Câu 62: 生产的发展大大地改善了人民的物质生活和精神生活。
A. 改良 B. 提高 C. 进步 D. 日益
Câu 63: 这次回家乡，看到这里的一草一木，都感到很亲切。
A. 亲身 B. 亲手 C. 亲自 D. 亲近

Câu 64: 每天工作这么长时间, 身体怎么吃得消?

- A. 支持不住 B. 吃了饭能消化 C. 支持得住 D. 吃了饭不消化

Câu 65: 你来中国两年多了, 处理问题就是比我们有经验。

- A. 安排 B. 交往 C. 解决 D. 处分

Câu 66: 小娟是个热心肠儿, 特别喜欢给别人帮忙。

- A. 喜欢热闹的人 B. 爱交往的人
C. 喜欢管闲事儿的人 D. 热情的人

Câu 67: 我们在一起学习四年, 眼看就要分开了, 心里真有点儿舍不得。

- A. 知道 B. 马上 C. 后来 D. 看见

Câu 68: 你这样做解决不了这个问题, 只会帮倒忙。

- A. 帮不了忙却给添麻烦 B. 不能够帮别人的忙
C. 到处帮别人的忙 D. 想帮别人的忙却帮不上

Câu 69: 专家说生吃胡萝卜不利于人体对维生素的吸收。

- A. 不想吃而勉强吃 B. 没长熟就吃 C. 没去掉皮就吃 D. 不煮就吃

Câu 70: 这间房子虽然不大, 装饰得倒挺讲究。

- A. 精美 B. 乐观 C. 可观 D. 精彩

Câu 71: 在新加坡, 城市公共交通高效、迅捷、方便, 堵车现象确实少见。

- A. 明确 B. 确切 C. 真实 D. 的确

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 72: A 跟他 B 打过交道的, C 没有说他 D 不好的。 (凡是)

Câu 73: 我 A 下了决心 B, 今后一定要 C 让父母 D 为我骄傲。 (暗暗)

Câu 74: 要想 A 在短期内把 B 口语水平提高 C, 非得下一番苦功夫 D 不可。 (起来)

Câu 75: 关于这件事, 学校 A 准备 B 了解 C 一下儿 D 当时的情况。 (找每个人)

Câu 76: 以后每隔三 A 个 B 月 C 左右 D, 由公司组织一次情况报告会。 (半)

Câu 77: A 上课的时间 B 快到了, 恐怕 C 吃 D 早饭了。 (来不及)

Câu 78: 他 A 这个学期的 B 考试 C 成绩 D 好多了。 (比上学期)

Câu 79: A 王林 B 能有 C 今天的辉煌, 完全是靠 D 他身上的那股拼劲儿。 (人家)

Câu 80: A 中央台 B 今晚 C 转播越南队和泰国队 D 的足球比赛。 (通过卫星)

----- HẾT -----